Chi tiết mã HS 9013.90.10

Mã HS	9013.90.10
Mô tả hàng hóa	Thiết bị tạo tia laser, trừ đi-ốt laser; các thiết bị và dụng cụ quang học khác, chưa được nêu hoặc chi tiết ở nơi nào khác trong Chương này / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Của hàng hóa thuộc phân nhóm 9013.20.00
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	02/11/2026 04:20:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90139010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18029
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18029
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18029
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17338
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17267
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17267
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17267
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17267
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17267
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17267
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17323
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17323

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17323
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17323
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17323
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17323
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17324
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17324
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17324
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17324
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17324
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17324
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17329
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17285
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17281
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17281
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17281
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17281
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17281
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17281
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17327
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17327
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17327
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17327
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17327
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17327
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17389
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17389

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17389
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17389
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17389
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17389
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17365
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17365
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17365
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17365
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17365
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17365
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D1047
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E1047
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17360
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17360
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17360
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17360
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17360
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17360
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17390
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17390
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17390
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17390
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17390
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17390
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17389
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17389

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17389
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17389
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17389
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17389
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17483
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17483
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17483
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17483
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17483
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17483
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17483
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17352
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17352
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17352
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17352
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17352
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17352
RCEP B	2022	2022	0	B!D17352
RCEP B	2023	2023	0	B!E17352
RCEP B	2024	2024	0	B!F17352
RCEP B	2025	2025	0	B!G17352
RCEP B	2026	2026	0	B!H17352
RCEP B	2027	2027	0	B!I17352
RCEP C	2022	2022	0	C!D17350
RCEP C	2023	2023	0	C!E17350
RCEP C	2024	2024	0	C!F17350

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2025	2025	0	C!G17350
RCEP C	2026	2026	0	C!H17350
RCEP C	2027	2027	0	C!I17350
RCEP D	2022	2022	0	D!D17349
RCEP D	2023	2023	0	D!E17349
RCEP D	2024	2024	0	D!F17349
RCEP D	2025	2025	0	D!G17349
RCEP D	2026	2026	0	D!H17349
RCEP D	2027	2027	0	D!I17349
RCEP E	2022	2022	0	E!D17353
RCEP E	2023	2023	0	E!E17353
RCEP E	2024	2024	0	E!F17353
RCEP E	2025	2025	0	E!G17353
RCEP E	2026	2026	0	E!H17353
RCEP E	2027	2027	0	E!I17353
RCEP F	2022	2022	0	F!D17352
RCEP F	2023	2023	0	F!E17352
RCEP F	2024	2024	0	F!F17352
RCEP F	2025	2025	0	F!G17352
RCEP F	2026	2026	0	F!H17352
RCEP F	2027	2027	0	F!I17352
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16271
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16271
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16271
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16271

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9013.90 có 4 dòng thuế; dòng 9013.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của hàng hóa thuộc phân nhóm 9013.20.00.	9013.90.60 Của hàng hóa thuộc phân nhóm 9013.80.10; 9013.90.70 Của hàng hóa thuộc phân nhóm 9013.10.10; 9013.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9013.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9013.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18029), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.